ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 01/2023/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ô-man về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu đặc biệt, hộ chiếu công vụ, ký tại Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 2022, có hiệu lực ngày 14 tháng 1 năm 2023.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Lương Ngọc

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC Ô-MAN

VỀ MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG
HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO, HỘ CHIẾU ĐẶC BIỆT VÀ HỘ CHIẾU CÔNG VỤ

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ô-man (sau đây gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên"),

Mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia,

Mong muốn tạo thuận lợi cho việc đi lại của công dân mỗi Bên mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu đặc biệt và hộ chiếu công vụ,

Công nhận sự hợp tác tại Hiệp định này dựa trên nguyên tắc bình đẳng và có đi có lại,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Các điều khoản của Hiệp định áp dụng đối với người mang các loại hộ chiếu sau:

(a) Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu đặc biệt và hộ chiếu công vụ còn giá trị của Vương quốc Ô-man.

ĐIỀU 2

1. Mỗi Bên cho phép công dân của Bên kia, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, nhập cảnh, lưu trú, quá cảnh, và xuất cảnh lãnh thổ của mình mà không cần thị thực trong chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhập cảnh.

2. Công dân của mỗi Bên, được đề cập tại khoản 1 Điều này, mà có mong muốn gia hạn thời gian lưu trú tại lãnh thổ của Bên kia nhiều hơn chín mươi (90) ngày, phải thực hiện các thủ tục cần thiết để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Bên kia cấp thị thực trước thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhập cảnh.

ĐIỀU 3

Những hộ chiếu được đề cập tại Điều 1 mà công dân mỗi Bên sở hữu phải còn giá trị ít nhất sáu (6) tháng khi nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên kia.

ĐIỀU 4

1. Công dân của mỗi Bên, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, không được thực hiện bất kỳ hoạt động có thu nhập mà yêu cầu giấy phép lao động trong thời gian lưu trú tại lãnh thổ Bên kia.

2. Công dân của mỗi Bên, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, mà muốn tìm kiếm việc làm, hoạt động có thu nhập, học tập, hoặc bất kỳ hoạt động khác được trả tiền, phải có thị thực phù hợp trước khi nhập cảnh lãnh thổ của Bên kia phù hợp với pháp luật Bên tiếp nhận.

ĐIỀU 5

Công dân của mỗi Bên, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, nhập cảnh, quá cảnh và xuất cảnh lãnh thổ Bên kia qua các cửa khẩu dành cho đi lại quốc tế mà không gặp bất kỳ cản trở gì, ngoại trừ việc cản trở nhập cảnh liên quan đến an ninh, hải quan, nhập cảnh, y tế cộng đồng, trật tự công cộng, hoặc bất kỳ quy định pháp luật khác áp dụng đối với những người mang hộ chiếu này.

ĐIỀU 6

1. Mỗi Bên miễn thị thực cho công dân của Bên kia, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, là thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, hoặc tổ chức quốc tế đóng tại lãnh thổ của Bên kia khi nhập cảnh, lưu trú, quá cảnh và xuất cảnh lãnh thổ Bên kia trong nhiệm kỳ công tác nếu họ đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho nhiệm kỳ.

2. Việc miễn thị thực cho những người được đề cập tại khoản 1 Điều này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của họ nếu những người này cũng mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1.

ĐIỀU 7

1. Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền của cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên trong việc từ chối nhập cảnh đối với công dân của Bên kia, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, rút ngắn thời gian lưu trú hoặc chấm dứt thời gian lưu trú khi công dân đó bị coi là người không được hoan nghênh hoặc là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc y tế cộng đồng, hoặc việc họ có mặt tại lãnh thổ là bất hợp pháp.

2. Khi công dân của Bên kia chịu ảnh hưởng bởi quy định này, Bên thực hiện việc từ chối nhập cảnh phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao ngay lập tức.

ĐIỀU 8

1. Hiệp định này không miễn cho công dân của mỗi Bên nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của Bên kia khi nhập cảnh, trong đó có pháp luật về nhập cảnh, lưu trú, quá cảnh và xuất cảnh của người nước ngoài.

2. Các Bên thực hiện Hiệp định theo quy định pháp luật hiện hành của cả hai nước.

3. Hiệp định này không ảnh hưởng đến bất kỳ nghĩa vụ của các Bên phát sinh từ các điều ước quốc tế hay điều ước song phương giữa hai nước.

ĐIỀU 9

1. Một Bên có thể tạm đình chỉ việc áp dụng Hiệp định, một phần hoặc toàn bộ, vì lý do liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc y tế cộng đồng, hoặc trong trường hợp vi phạm các điều khoản của Hiệp định này.

2. Bên mong muốn tạm đình chỉ việc áp dụng Hiệp định này thông báo với Bên kia về việc tạm đình chỉ và nêu rõ lý do bằng văn bản qua đường ngoại giao ít nhất bảy (7) ngày trước khi việc tạm đình chỉ có hiệu lực, và thông báo cho Bên kia về việc chấm dứt tạm đình chỉ này bằng văn bản qua đường ngoại giao ít nhất bảy (7) ngày trước khi chấm dứt việc tạm đình chỉ.

3. Việc tạm đình chỉ áp dụng Hiệp định này không ảnh hưởng đến tư cách pháp lý của công dân của mỗi Bên, mang bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, mà đã nhập cảnh lãnh thổ Bên kia.

ĐIỀU 10

1. Trong trường hợp bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1 của công dân mỗi Bên bị mất, trộm, hỏng hoặc không còn giá trị tại lãnh thổ Bên kia, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Bên có công dân mang hộ chiếu nêu trên sẽ cung cấp giấy tờ cho phép họ trở về lãnh thổ của Bên mà họ mang quốc tịch.

2. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nêu trên thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền của Bên kia về sự việc qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 11

1. Các Bên trao đổi mẫu các loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1 qua đường ngoại giao trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký Hiệp định.

2. Trong trường hợp thay đổi bất kỳ loại hộ chiếu được đề cập tại Điều 1, Bên có hộ chiếu thay đổi sẽ cung cấp mẫu hộ chiếu được thay đổi cho Bên kia qua đường ngoại giao ba mươi (30) ngày trước khi đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 12

Các Bên giải quyết bất kỳ bất đồng phát sinh từ việc thực hiện hoặc giải thích các điều khoản của Hiệp định này bằng tham vấn qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 13

Các Bên có thể sửa đổi và hiệu chỉnh các điều khoản của Hiệp định này bằng thỏa thuận bằng văn bản qua đường ngoại giao. Bất kỳ sửa đổi và hiệu chỉnh sẽ có hiệu lực theo quy định tại Điều 14 Hiệp định này và là một phần không thể tách rời của Hiệp định.

ĐIỀU 14

Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết của mỗi Bên. Hiệp định có hiệu lực vô thời hạn, trừ khi một trong hai Bên thông báo Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao về quyết định chấm dứt hiệu lực. Trong trường hợp đó, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được thông báo như vậy của một Bên.

Hiệp định được ký tại Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022, lập thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Ả-rập và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được sử dụng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC Ô-MAN
PHẠM QUANG HIỆU **Thứ trưởng Bộ Ngoại giao**	**SALEH MOHAMED AHMED AL SAGRI** **Đại sứ Vương quốc Ô-man tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE SULTANATE OF OMAN
ON MUTUAL VISA EXEMPTION FOR HOLDERS OF
DIPLOMATIC, SPECIAL, SERVICE AND OFFICIAL PASSPORTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Sultanate of Oman, (hereinafter referred to individually as 'Party' and collectively as the 'Parties'),

Desiring to strengthen the friendly relations between the two countries,

Wishing to facilitate the travel of their nationals, holders of valid diplomatic, special, service and official passports into the territory of the other Party,

Recognizing that cooperation within this Agreement is based on the principles of equality and reciprocity,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

The provisions of this Agreement apply to the holders of any of the following passports:

(a) Valid diplomatic and official passports of the Socialist Republic of Viet Nam.

(b) Valid diplomatic, special, and service passports of the Sultanate of Oman.

ARTICLE 2

1. Either Party shall allow nationals of the other Party, holders of any of the passports referred to in Article 1, to enter into, stay in, transit through, and exit from the territory of the other Party without a visa for a period of ninety (90) days from the date of each entry.

2. Nationals of either Party, referred to in the preceding paragraph, who wish to extend their stay for a period longer than ninety (90) days in the territory of the other Party, shall go through the necessary procedures for a visa request from the competent authorities of the other Party prior to the expiration of the ninety (90) days period.

ARTICLE 3

The passports referred to in Article 1, belonging to nationals of either Party, shall be valid for a period of at least six (6) months on entry into the territory of the other Party.

ARTICLE 4

1. Nationals of either Party, holders of any of the passports referred to in Article 1, shall not undertake any paid-activity that requires a work permit during their stay in the territory of the other Party.

2. Nationals of either Party, holders of any of the passports referred to in Article 1, who seek employment, gainful activities, study, or any other paid activities, shall obtain an appropriate visa prior to their arrival to the territory of the other Party in accordance with the laws and regulations of the receiving Party.

ARTICLE 5

Nationals of either Party, holders of any of the passports mentioned in Article 1, shall enter into, transit through, and exit from the territory of the other Party through the border-crossing points open to international traffic without any

restriction, except for entry restrictions relating to security, customs, immigration, public health and public order, or any other provisions legally applicable to the holders of these passports.

ARTICLE 6

1. Each Party shall exempt nationals of either Party, holders of any of the passports referred to in Article 1, being members of the diplomatic or consular mission or international organization located in the territory of the other Party, from visa requirements for the entry into, stay in, transit through and exit from the territory of the other Party during the period of their assignment provided that they have fulfilled the necessary procedures for the assignment.

2. The exemption granted to the persons referred to in paragraph 1 of this Article also applies to members of their families provided that they are holders of any of the passports referred to in Article 1.

ARTICLE 7

1. This Agreement does not affect the right of the competent authorities of either Party to refuse entry of the nationals of the other Party, holders of any of the passports mentioned in Article 1, into their respective territories, reduce their period of stay, or terminate it, where the nationals in question are considered *persona non grata*, where they may present a risk to national security, public order, or public health, or where their presence within the respective territory is found to be illegal.

2. Where a national of the other Party has been affected by the provisions of this Article, the Party responsible for the aforementioned action shall notify the other Party in writing through diplomatic channels without delay.

ARTICLE 8

1. This Agreement does not exempt nationals of either Party from the obligation to respect the laws and regulations of the other Party when entering into its territory, including but not limited to the laws and regulations concerning the entry, stay, transit and exit of foreigners.

2. The Parties shall implement this Agreement in accordance with the laws and regulations in force in both countries.

3. This Agreement does not prejudice any obligations of the Parties arising under international agreements or any bilateral agreements concluded between the two countries.

ARTICLE 9

1. Either Party may temporarily suspend the application of this Agreement, completely or partially, for reasons relating to national security, public order, or public health, or in case of violation of the provisions of this Agreement.

2. The Party who wishes to suspend the application of this Agreement, shall notify the other Party of the suspension and specify the reasons thereof in writing, through diplomatic channels, at least seven (7) days before the entry of this suspension into force, and shall also inform the other Party of the end of this suspension in writing through diplomatic channels, at least seven (7) days before the end of the suspension period.

3. The suspension of the application of this Agreement shall not affect the legal status of the nationals of either Party, holders of any of the passports referred to in Article 1, who have already entered into the territory of the other Party.

ARTICLE 10

1. In case of loss, theft, damage, or invalidity of any of the passports referred to in Article 1 by a national of either Party in the territory of the other Party, the diplomatic or consular mission to which the holder of the passport in question

belongs, shall provide them with the documents that enable them to return to the territory of the Party to which they are nationals of.

2. The aforementioned diplomatic or consular mission shall promptly notify the competent authorities of the other Party of such incidents through diplomatic channels.

ARTICLE 11

1. The Parties shall exchange specimens of the passports referred to in Article 1, through diplomatic channels, within thirty (30) days from the date of signature of this Agreement.

2. In case of introduction of any changes in the passports referred to in Article 1 of this Agreement, the Party, whose passports have been changed, shall provide specimens of the changed passports to the other Party, through diplomatic channels, thirty (30) days prior to the entry of these changes into force.

ARTICLE 12

The Parties shall settle any difference or dispute arising out of the implementation or interpretation of the provisions of this Agreement by consultations through diplomatic channels.

ARTICLE 13

The Parties may amend and revise the provisions of this Agreement by mutual consent in writing through diplomatic channels. Any revision or amendment shall come into effect according to Article 14 of this Agreement and accordingly form an integral part of this Agreement.

ARTICLE 14

This Agreement shall enter into force thirty (30) days after the date of receipt of the last written notification through diplomatic channels, on the fulfillment of their

respective internal procedures required for that purpose. The Agreement shall remain valid for an indefinite period of time, unless one of the Parties notifies the other Party in writing, through diplomatic channels, of its decision to terminate it. In such case, this Agreement will be terminated after ninety (90) days from the date of receipt of such notification by the other Party.

This Agreement is signed in Ha Noi, on 28 of April, 2022 in two originals in the Vietnamese, Arabic, and English languages, all texts being equally authentic. In the case of discrepancy of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE SULTANATE OF OMAN
PHAM QUANG HIEU Deputy Minister of Foreign Affairs	SALEH MOHAMED AHMED AL SAGRI Ambassador of the Sultanate of Oman to the Socialist Republic of Viet Nam

اتفاقية

بين حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية وحكومة سلطنة عُمـــان

حول الإعفاء المتبادل من التأشيرة لحاملي جوازات السفر

الدبلوماسية والخاصة والخدمة والرسمية

إنَّ حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية، وحكومة سلطنة عُمـــان، (والمشار إليهما أدناه منفردين بـــ"الطرف"، ومجتمعين بـ"الطرفين")،

ورغبة منهما في تعزيز أواصر الصداقة بين البلدين،

ورغبة منهما في تسهيل سفر مواطنيهما، حاملي جوازات السفر الدبلوماسية والخاصة، والخدمة والرسمية، سارية المفعول في إقليم الطرف الآخر،

وإدراكا منهما بأن التعاون في هذه الاتفاقية يستند على مبدأ المساواة، والمعاملة بالمثل،

قد اتفقتا على الآتي:

المادة (1)

تطبّق أحكام هذه الاتفاقية على حامليّ أيٍّ من جوازات السفر الآتية:

(أ) جوازات السفر الدبلوماسية والرسمية، سارية المفعول والتابعة لجمهورية فيتنام الاشتراكية.

(ب) جوازات السفر الدبلوماسية والخاصة والخدمة، سارية المفعول والتابعة لسلطنة عُمـــان.

المادة (2)

1. يسمح أيّ طرف لمواطني الطرف الآخر، حاملي أيّ من الجوازات المشار إليها في المادة (1)، بالدخول إلى، أو البقاء في، أو المرور عبر، أو الخروج من إقليم الطرف الآخر دون متطلب التأشيرة، لمدة لا تتجاوز (90) تسعين يومًا من تاريخ الدخول في كلّ مرة.
2. يجب على مواطني أيّ من الطرفين المشار إليهم في الفقرة السابقة الذين يرغبون في تمديد إقامتهم أكثر من (90) تسعين يومًا في إقليم الطرف الآخر اتخاذ الإجراءات اللازمة لطلب تأشيرة من السلطات المختصة لدى الطرف الآخر قبل انتهاء مدة (90) تسعين يوما.

المادة (3)

يجب أن تكون جوازات السفر المشار إليها في المادة (1)، والخاصة بمواطني أيّ من الطرفين، سارية المفعول لمدة (6) ستة أشهر على الأقل عند دخولهم إلى إقليم الطرف الآخر.

المادة (4)

1. يجب على مواطني أيّ من الطرفين حاملي أيّ من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) عدم القيام بأيّ أنشطة مدفوعة الأجر تتطلب تصريح عمل في أثناء بقائهم في إقليم الطرف الآخر.
2. يجب على مواطني أيّ من الطرفين حاملي أيّ من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) الذين يرغبون في الحصول على وظيفة، أو أنشطة ربحية، أو دراسة، أو أيّ أنشطة أخرى مدفوعة الأجر الحصول على تأشيرة مناسبة قبل وصولهم إلى إقليم الطرف الآخر، وذلك وفقًا للقوانين والأنظمة المعمول بها لدى الطرف المتلقي.

المادة (5)

يجب على مواطني أيّ من الطرفين حاملي أيّ من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) الدخول إلى، المرور عبر، والخروج من إقليم الطرف الآخر من خلال نقاط عبور الحدود المخصصة للمنافذ الدولية، دون أيّ قيود، وذلك باستثناء قيود الدخول المتعلقة بالأمن، والجمارك، والهجرة، والصحة العامة والنظام العام، أو أيّ أحكام أخرى مطبقة قانونًا على حاملي هذه الجوازات.

المادة (6)

1. يعفي كلا الطرفين مواطني الطرف الآخر حاملي جوازات السفر المشار إليها في المادة (1)، باعتبارهم أعضاء في بعثة دبلوماسية أو قنصلية أو في منظمة دولية في إقليم الطرف الآخر، من متطلبات الحصول على تأشيرة للدخول إلى، والبقاء في، والمرور عبر، والخروج من أراضي الطرف الآخر خلال فترة تكليفهم شريطة أن يكونوا قد استوفوا الإجراءات اللازمة لهذه المهمة.
2. ينطبق الإعفاء الممنوح للمذكورين في الفقرة (1) من هذه المادة على أفراد أسرهم الذين يحملون جوازات السفر المشار إليها في المادة (1).

المادة (7)

1. لا تؤثر هذه الاتفاقية على حقّ السلطات المختصة لأيّ من الطرفين في رفض دخول مواطني الطرف الآخر، حاملي أيّ من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) إلى إقليم كلّ منهما أو تقصير مدة إقامتهم أو إنهائها، وذلك في حالة اعتبار المواطنين المعنيين غير مرغوب فيهم، أو في حال تمثيلهم خطرا على الأمن الوطني أو النظام العام أو الصحة العامة، أو عندما يكون وجودهم في إقليم الدولة بصفة غير قانونية.
2. في حالة تأثر أحد مواطني الطرف الآخر بموجب أحكام هذه المادة، يجب على الطرف المسؤول عن الإجراء إخطار الطرف الآخر كتابة عبر القنوات الدبلوماسية دون تأخير.

المادة (8)

1. لا تُعفي هذه الاتفاقية مواطني أي من الطرفين من الالتزام باحترام القوانين والأنظمة المعمول بها لدى الطرف الآخر عند دخولهم إقليمه، بما في ذلك القوانين والأنظمة المتعلقة بدخول وإقامة وعبور وخروج الأجانب.
2. يجب على الطرفين تنفيذ هذه الاتفاقية وفقًا للقوانين والأنظمة السارية في كلا البلدين.
3. لا تؤثر هذه الاتفاقية على أيّ التزامات للطرفين ناشئة بموجب الاتفاقيات الدولية، أو أيّ اتفاقيات ثنائية مبرمة بين البلدين.

المادة (9)

1. يجوز لأيّ من الطرفين تعليق العمل بهذه الاتفاقية مؤقتًا، بشكل جزئيّ أو كليّ، لأسباب تتعلق بالأمن الوطني أو النظام العام أو الصحة العامة، أو في حال مخالفة أحكام هذه الاتفاقية.
2. يجب على الطرف الذي يرغب في تعليق العمل بهذه الاتفاقية إخطار الطرف الآخر عن التعليق مع بيان أسبابه كتابةً عبر القنوات الدبلوماسية قبل (7) سبعة أيام على الأقل من دخول هذا التعليق حيّز التنفيذ، كما أن عليه إخطار الطرف الآخر بانتهاء مدة التعليق كتابةً عبر القنوات الدبلوماسية قبل (7) سبعة أيام على الأقل من إنهاء فترة التعليق.
3. لا يؤثر تعليق العمل بهذه الاتفاقية على الوضع القانوني لمواطني أيّ من الطرفين حاملي أيّ من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) الذين دخلوا مسبقًا إلى إقليم الطرف الآخر.

المادة (10)

1. في حالة فقدان أو سرقة أو تلف أو بطلان صلاحية أيّ من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) لمواطني أيّ من الطرفين في إقليم الطرف الآخر، تقدم له البعثة الدبلوماسية أو القنصلية -التي ينتمي إليها صاحب الجواز المعني- الوثائق التي تمكّنه من العودة إلى الإقليم الذي ينتمي إليه.

2. يجب على البعثة الدبلوماسية أو القنصلية إبلاغ الجهات المختصة لدى الطرف الآخر على الفور عن مثل هذه الحوادث عبر القنوات الدبلوماسية.

المادة (11)

1. يتبادل الطرفان نماذج من جوازات السفر المشار إليها في المادة (1) ، عبر القنوات الدبلوماسية، خلال (30) ثلاثين يوما من تاريخ التوقيع على هذه الاتفاقية.

2. في حالة حدوث أيّ تغيير على الجوازات المشار إليها في المادة (1) من هذه الاتفاقية، يتعين على الطرف الذي تمّ تغيير جوازاته توفير نماذج من الجوازات المعدّلة إلى الطرف الآخر، عبر القنوات الدبلوماسية، (30) ثلاثين يوما قبل دخول هذا التغيير حيّز التنفيذ.

المادة (12)

يُسوّي الطرفان أيّ اختلاف أو خلاف ينشأ عن تنفيذ أو تفسير أحكام هذه الاتفاقية وديًا من خلال المشاورات عبر القنوات الدبلوماسية.

المادة (13)

يجوز للطرفين تعديل أو مراجعة أحكام هذه الاتفاقية بموافقتهما كتابةً عبر القنوات الدبلوماسية، وأيّ تعديلات أو تغييرات يتفق عليها الطرفان تدخل حيّز التنفيذ طبقًا للمادة (14) من هذه الاتفاقية، وتكون جزءًا لا يتجزأ منها.

المادة (14)

تدخل هذه الاتفاقية حيّز التنفيذ بعد (30) ثلاثين يوما من تاريخ تسلُّم آخر إخطار كتابيّ، عبر القنوات الدبلوماسية، باكتمال الإجراءات الداخلية لدى الطرفين اللازمة لدخول هذه الاتفاقية حيّز التنفيذ. تسري هذه الاتفاقية لمدة غير محدّدة، ويجوز لأيّ من الطرفين إنهاء هذه الاتفاقية بإخطار الطرف الآخر كتابةً عبر

القنوات الدبلوماسية. وفي هذه الحالة سيتم وقف العمل بهذه الاتفاقية بعد (90) تسعين يوما من تاريخ استلام إخطار الإنهاء من قبل الطرف الآخر.

وُقِّعَتْ هذه الاتفاقية في هانوي يوم الخميس بتاريخ 28 أبريل 2022م الموافق 27 رمضان 1443 هجريًا من نسختين أصليتين باللغات: الفيتنامية، والعربية، والإنجليزية، لكلٍّ منها ذات الحجية القانونية، وفي حالة الاختلاف يعتدُّ بالنص الإنجليزي.

عن حكومة	**عن حكومة**
جمهورية فيتنام الاشتراكية	**سلطنة عُمـــان**
فام كوانج هيو	**صالح محمد أحمد الصقري**
نائب وزير الشؤون الخارجية	**سفير سلطنة عُمان لدى جمهورية**
بجمهورية فيتنام الاشتراكية	**فيتنام الاشتراكية**